

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2020/ HNGĐ-ST
Ngày 15/6/2020
V/v Tranh chấp: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mừng

2. Ông Nguyễn Công Hiền

Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Nguyệt Sương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: bà Trương Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXX-ST ngày 29 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Võ Thị T, địa chỉ: thôn 2, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam; *có mặt*

- Bị đơn: anh Nguyễn Văn L; hộ khẩu thường trú: thôn 2, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam, hiện đang chấp hành án tại Trại giam An Điem có địa chỉ: xã Đại Hưng, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, *có đơn xin vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 3 năm 2020 và tại phiên Tòa hôm nay nguyên đơn chị Võ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2014, chị Võ Thị T và anh Nguyễn Văn L tự nguyện chung sống và đến năm 2015 thì được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau, anh L ham chơi, thiếu trách nhiệm với gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ con. Từ cuối năm 2017 vợ chồng sống ly thân, bỏ mặc không quan tâm đến nhau. Vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả.

Nay chị T xét thấy hạnh phúc vợ chồng đã thực sự tan vỡ, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn L để chị được tự do định đoạt cuộc sống riêng của mình.

Về con chung: vợ chồng có 01 cháu là Nguyễn Võ Gia L1, sinh ngày 23/12/2014, hiện đang sống với mẹ. Nay ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng, giáo dục cháu L1 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị T không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung chị T khai vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa can thiệp.

Tại hồ sơ vụ án bị đơn Nguyễn Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh L thống nhất với lời khai của chị T về quan hệ hôn nhân của vợ chồng. Từ năm 2017, chị T đưa con vào Thành phố Hồ Chí Minh làm ăn, còn anh L sống tại Tiên Phước, vợ chồng chỉ thỉnh thoảng liên lạc với nhau qua điện thoại. Năm 2018, anh L vào thăm chị T thì vợ chồng cãi vã nên anh L bỏ về quê tiếp tục làm ăn. Đầu năm 2019, anh L bị bắt tạm giam và sau đó chấp hành án phạt tù cho đến nay nhưng chị T không thăm nuôi. Tuy nhiên anh L cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng, anh vẫn còn thương chị T nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh L thống nhất vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Võ Gia L1, sinh ngày 23/12/2014, hiện đang sống với mẹ. Nay ly hôn anh L đồng ý giao cho chị T được nuôi dưỡng, giáo dục cháu L1 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh L không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa can thiệp.

Về nợ chung: vợ chồng không có.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu quan điểm:

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định pháp luật.

Đối với nguyên đơn Võ Thị T và bị đơn Nguyễn Văn L đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh L đã thật sự trầm trọng, tình yêu không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh L. Về con chung đề nghị giao cháu Nguyễn Võ Gia L1 (sinh ngày 23/12/2014) cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập. Về tài sản chung và nợ chung chị T và anh L thống nhất khai không có và không yêu cầu Tòa can thiệp nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu hiện có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn Nguyễn Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Xét quan hệ hôn nhân* giữa chị Võ Thị T và anh Nguyễn Văn L thì thấy anh chị đã xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các bên khi giải quyết vụ án.

Xét thực trạng quan hệ hôn nhân của anh L, chị T thì thấy: Theo chị T trình bày, trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh L cũng không có trách nhiệm với vợ con, không chăm sóc, nuôi dưỡng con cùng chị T. Tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa chị T cương quyết xin ly hôn. Anh L cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng, anh vẫn còn thương chị T nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên bản thân anh L thừa nhận từ năm 2017, vợ chồng sống ly thân, chỉ thỉnh thoảng liên lạc với nhau qua điện thoại. Đầu năm 2019, anh L bị bắt tạm giam và sau đó chấp hành án phạt tù cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng anh L, chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã có thời gian sống ly thân, không quan tâm chăm sóc nhau nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về quan hệ con chung:* Xét thỏa thuận về giao nuôi con chung của vợ chồng anh L, chị T là phù hợp với thực tế và không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận, giao cháu Nguyễn Võ Gia L1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa chị T không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án chị T, anh L khai không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[2.4] *Về án phí:* Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc chị T phải chịu án phí kiện xin ly hôn 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tuyên xử cho chị Võ Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

- *Về con chung:* Giao cho chị Võ Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Võ Gia L1 (sinh ngày 23/12/2014) cho đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi.

Chị Võ Thị T không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở. Khi có lý do chính đáng các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về án phí:* Án phí kiện xin ly hôn số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng y) chị Võ Thị T phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng y) chị T đã nộp theo biên lai thu số 0003578 ngày 24/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Đại Lộc.

- *Về quyền kháng cáo:* Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Đối với bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. (Đã giải thích luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q.Nam
- VKSND H. Đại Lộc
- UBND xã T
- Chi cục THADS Huyện Đ
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ái Linh

